

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
TIÊU CHUẨN NHÀ NƯỚC

REN

CÁCH KÝ HIỆU CÁC LOẠI REN.
REN ỐNG. REN HÌNH THANG.
REN ĐINH VÍT DÙNG CHO GỖ.
CÁCH ĐÁNH DẤU CÁC CHI TIẾT
CÓ REN TRÁI

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC
HÀ NỘI - 1967

VIỆT - NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA ỦY BAN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT NHÀ NƯỚC Viện Đo lường và Tiêu chuẩn	TIÊU CHUẨN NHÀ NƯỚC <hr/> CÁCH KÝ HIỆU CÁC LOẠI REN	TCVN 204-66 <hr/> <hr/>
---	--	-----------------------------------

1. Ren được ký hiệu theo prôphin, theo độ lớn bước ren và theo hướng xoắn của mỗi ren.

Prôphin của ren được ký hiệu bằng cách viết tắt chữ đặc thù cho prôphin.

Nếu ren có hướng xoắn phải, một đầu mối và có độ hở ở đỉnh ren thì ký hiệu theo cách quy định trong bảng 1, nếu ren có hướng xoắn trái, nhiều đầu mối hoặc ren kín thì phải ký hiệu theo cách quy định trong các bảng 2, 3, 4 của tiêu chuẩn này.

Viện Đo lường và Tiêu chuẩn
biên soạn

Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước
duyet y ngày 15-11-1966

Có hiệu lực
từ 1-1-1968

Ren hướng xoắn phải, một đầu mỗi.

Bảng 1

Dạng profin	Ký hiệu profin	Cách ký hiệu kích thước ren	Ví dụ	Theo tiêu chuẩn
Vít-vo		Đường kính ngoài của ren theo đơn vị insơ (*)	2"	
Vít-vo bước nhỏ	W	Đường kính ngoài của ren theo mm hay insơ \times bước ren theo insơ	W10 \times 1/4" W7/8" \times 1/11"	
Ren ống hình trụ	Ô	Đường kính ngoài của ren theo insơ	Ô 7/8"	TCVN 205-66
Ren ống hình côn	ÔC	Ký hiệu kích thước của ren theo insơ hoặc đường kính ngoài của ren theo mm \times bước ren theo mm	ÔC 3/4" ÔC 10 \times 1	TCVN 207-66
Ren hệ mét	M	Đường kính ngoài của ren theo mm	M 10	TCVN 44-63
Ren hệ mét bước nhỏ	M	Đường kính ngoài của ren theo mm \times bước ren theo mm	M10 \times 1	TCVN 44-63
Ren hình thang	T	Đường kính ngoài của ren theo mm \times bước ren theo mm	T10 \times 2	TCVN 209-66
Ren răng cưa	RC	Đường kính ngoài của ren theo mm \times bước ren theo mm	RC 50 \times 8	
Ren tròn	Tr	Đường kính ngoài của ren theo mm \times bước ren theo insơ	Tr 10 \times 1/6"	
Ren vuông	V	Đường kính ngoài của ren theo mm \times bước ren theo mm	V10 \times 10	
Ren đỉnh vít dùng cho kim loại	K	Đường kính ngoài của thân theo mm	K 4,8	
Ren đỉnh vít dùng cho gỗ	G (ren hình trụ) và GC (ren hình côn)	Đường kính thân của vít theo mm	G4 GC4	TCVN 211-66

(*) Insơ (inch): đơn vị đo hệ Anh, 1 insơ = 25,4 mm, viết tắt là in, ký hiệu là ".

Ren hướng xoắn trái, một đầu mỗi.

Bảng 2

Tên gọi	Cách ký hiệu	Vi dụ	Ứng dụng
Ren trái	Bắt đầu bằng ký hiệu của prôphin, kích thước ren và sau đó là chữ « trái »	W104 × 1/4" trái M10 trái T10 × 2 trái	Cho tất cả các loại ren trong bảng 1, trừ ren đỉnh vít dùng cho kim loại và cho gỗ

Ren nhiều đầu mỗi.

Bảng 3

Tên gọi	Cách ký hiệu	Vi dụ	Ứng dụng
Ren phải, nhiều đầu mỗi	Bắt đầu bằng số đầu mỗi, sau đó là ký hiệu của prôphin và kích thước ren	2 mỗi M10 × 2 2 mỗi T10 × 2	Cho tất cả các loại ren trong bảng 1, trừ ren đỉnh vít dùng cho kim loại và cho gỗ
Ren trái, nhiều đầu mỗi	Bắt đầu bằng số đầu mỗi, sau đó là ký hiệu của prôphin, kích thước ren và chữ « trái »	3 mỗi 2" trái 2 mỗi T10 × 2 trái	

Chú thích: Bước ren ghi trong cách ký hiệu ren nhiều đầu mỗi là bước ren của mỗi một đầu mỗi, như vậy khoảng cách giữa các đỉnh ren sẽ bằng bước ren chia cho số đầu mỗi.

Ren kín.

Bảng 4

Tên gọi	Cách ký hiệu	Vi dụ	Ứng dụng
Ren kín	Ký hiệu của ren và sau đó là chữ « kín »	1" kín Ø 2" kín	Cho ren vít-vô, ren ống và ren hệ mét

2. Dung sai ren được ký hiệu bằng số cấp chính xác. Trường hợp cần bảo đảm dung sai theo yêu cầu thì sau những ký hiệu đã quy định trong các bảng trên còn phải ghi thêm chữ *cấp* và con số chỉ cấp chính xác.

Vi dụ: M10 × 1 cấp 2; T36 × 6 cấp 2 v.v...

Nếu trên bản vẽ các chi tiết có ren trong ở dạng lắp vào nhau mà có dung sai theo các cấp khác nhau thì được ký hiệu bằng một phân số trong đó tử số chỉ cấp chính xác của đai ốc và mẫu số chỉ cấp chính xác của bulông (vít).

Vi dụ: M64 × 3 cấp 3/cấp 2.

T36 × 6 cấp 2/cấp 3 v.v...